



TẠP CHÍ KHOA HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

HNUE Journal of Science

**Khoa học Xã hội
Social Sciences**

ISSN 2354 - 1067

Volume 69, Issue 1, 2024

MỤC LỤC

Lê Văn Tấn và Phạm Tuấn Hiệp , <i>Chu Sinh truyện</i> trong dòng chảy loại hình truyện truyền kì trung đại Hàn Quốc	3
Nguyễn Thị Mai Chanh , Cao Hành Kiện và Nguyễn Huy Thiệp – vài nét liên hệ về sự nghiệp và quan niệm sáng tác	15
Đỗ Hải Phong và Nguyễn Minh Trang , Giải thiêng hình mẫu thám tử trong tiểu thuyết trinh thám hậu hiện đại <i>Cái chết của Achilles</i> của Boris Akunin	22
Phan Thị Hà Thắm , Motif hành trình trong tiểu thuyết sử thi hiện đại (trường hợp <i>Con đường đau khổ</i> - Alexei Tolstoy và <i>Vỡ bờ</i> - Nguyễn Đình Thi)	32
Phan Nguyễn Thanh Tân và Nguyễn Thị Hồng Hạnh , Tương tác loại hình trong truyện ngắn của Jorge Luis Borges	43
Đặng Thị Bích Hồng , Cảm thức về cội nguồn và nơi chốn trong <i>Dặm ngàn hương cốm Mẹ</i> của Nguyễn Tham Thiện Kế	56
Nguyễn Hồng Anh , Hoài niệm và căn tính của cộng đồng di dân Việt Nam trong tác phẩm của Viet Thanh Nguyen	64
Bùi Thiên Dương , Độc thoại nội tâm trong tác phẩm <i>Có Tư Hồng</i> của Đào Trinh Nhất	75
Ngô Thị Ngọc Diệp và Phan Băng Tuyết Trâm , Mặt nạ giả trang và trình diễn văn bản trong văn xuôi Lê Anh Hoài	84
Đặng Quốc Minh Dương , Nhân vật sợ vợ trong truyện cười dân gian người Việt	92
Đào Duy Tùng và Lê Việt Đoàn , “Mỗi”, “một” và cấu trúc cú pháp chứa “mỗi - mỗi/một” trong câu tiếng Việt	102
Trần Thị Thái Hà , Trương Đăng Quế và những cống hiến của ông dưới triều vua Minh Mệnh (1820 – 1841)	113
Phạm Thị Thanh Huyền và Vũ Thị Hương Giang , Sự thay đổi quan điểm về người phụ nữ Arab từ trong kinh Qur'an đến hiện nay	127
Trần Thị Tuyết , Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nhân lực phục vụ tăng trưởng xanh trong hoạt động trồng trọt: áp dụng cho lãnh thổ ven biển tỉnh Hà Tĩnh	135
Lê Mỹ Dung và Lê Thị Phương Lan , Phát triển các mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp xanh ở tỉnh Lào Cai	145
Vũ Đình Hòa , Giải pháp phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội	155
Nông Thị Vân Anh, Hoàng Thị Trang và Phạm Thị Ngọc Quỳnh , Đánh giá tính	164

bền vững sinh kế dựa vào hoạt động sản xuất miến dong: nghiên cứu trường hợp huyện Nguyên Bình và huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng

Nguyễn Trọng Nhân, Huỳnh Văn Đà và Lê Mỹ Dung, Phát triển du lịch nông thôn 177
ở xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

Lê Thị Minh Thư, Trương Văn Cảnh, Lê Mỹ Dung, Hồ Ngọc Cẩm Giang, Nguyễn Thị Thảo Nguyên, Nguyễn Trần Tú Anh và Nguyễn Thị Dung Hạnh, Mức độ hài lòng của khách du lịch nội địa đối với điểm đến danh thắng Ngũ Hành Sơn – thành phố Đà Nẵng 188

Nguyễn Diệu Linh và Triệu Thị Hồng Hạnh, Biện pháp giáo dục khởi nghiệp từ nghề truyền thống cho thanh niên nông thôn khu vực đồng bằng sông Hồng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới 201

CHARACTERS AFRAID OF WIVES IN VIETNAMESE FOLK JOKES

Dang Quoc Minh Duong

*Faculty of Sociology and Communication,
Van Hien University, Ho Chi Minh City, Vietnam*

*Corresponding author: Dang Quoc Minh Duong,

e-mail: duongdqm@vhu.edu.vn

Received December 24, 2023.

Revised January 28, 2024.

Accepted February 18, 2024.

NHÂN VẬT SỢ VỢ TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Đặng Quốc Minh Dương

*Khoa Xã hội Truyền thông, Trường Đại học
Văn Hiến, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Đặng Quốc Minh Dương,

e-mail: duongdqm@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/12/2023.

Ngày sửa bài: 28/1/2024.

Ngày nhận đăng: 18/2/2024.

Abstract. In Vietnamese folk jokes, there is a group of stories that revolve around husbands being afraid of their wives. These husbands can be ordinary people or individuals holding village leadership positions or official titles. This is considered peculiar, as the Vietnamese family structure is traditionally influenced by Confucianism, where there is a belief in male dominance and the husband being the lord of the wife. Through an examination of these narratives set within the context of Vietnamese society from the sixteenth to nineteenth centuries, this article argues that these stories or phenomena have historical, social, and cultural foundations rooted in the lives of the Vietnamese people.

Keywords: afraid of wives, folk jokes, Vietn ethnic, history - society, culture.

Tóm tắt. Trong truyện cười dân gian người Việt có một nhóm truyện kể về anh chồng sợ vợ. Các anh chồng này có khi là những người dân thường, có khi là những chức sắc làng tổng, quan lại. Điều này được xem là lạ, bởi thiết chế gia đình người Việt vốn chịu ảnh hưởng của lễ giáo – nơi có quan niệm nam tôn nữ ti, chồng chúa vợ tôi. Qua khảo sát các truyện kể và đặt trong văn cảnh của xã hội Việt Nam trong giai đoạn từ thế kỉ XVI – XIX, bài viết cho rằng, các truyện kể/ hiện tượng này có cơ sở lịch sử - xã hội, văn hóa từ đời sống của người Việt.

Từ khóa: sợ vợ, truyện cười, người Việt, lịch sử - xã hội, văn hóa.

1. Mở đầu

Nho giáo được xem là hệ tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đến xã hội Việt Nam, là nền tảng đạo đức của con người, đóng góp to lớn vào việc tổ chức nhà nước, duy trì trật tự xã hội trong các triều đại quân chủ. Nho giáo rất coi trọng giá trị gia đình, xem gia đình là bộ phận của thượng tầng kiến trúc. Mọi sự yên ổn trong cả nước đều bắt nguồn từ sự yên ổn trong mỗi gia đình. Nho giáo yêu cầu con người – nhất là bậc quân tử phải tu thân, tề gia, rồi mới ra trị quốc sau mới đến bình thiên hạ. Trong tương quan vợ chồng, Nho giáo hình thành gia đình phụ quyền - gia trưởng và trọng nam khinh nữ. Cụ thể, người chồng là chủ của ngôi nhà, là người sở hữu, chủ tài sản đối với vợ con. Ông ta có thể quyết định mọi chuyện mà nhiều khi không cần tham khảo ý kiến vợ con. Ngược lại, về phía người vợ, theo quy định, họ sẽ phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt các quy định của tam tòng tứ đức. Họ không có tiếng nói, không được sống cho riêng mình mà phải làm tôi cho chồng con suốt cả đời mình. Phan Kế Bính nhận định về việc này như sau: “Tục ta trọng nam khinh nữ, quyền người chồng bao giờ cũng nặng hơn quyền vợ” [1; 68].

Sau đó, nhà nghiên cứu đã chỉ ra ba cái “trọng” là tiền của, giao thiệp, tự do đều dành cả cho chồng. Xét về địa vị đàn bà, Đào Duy Anh cũng cho rằng: “đàn bà tất không có quyền gì cả. Không giáo chủ trương nam tôn nữ ty, trọng nam khinh nữ, lại vun đắp thêm quyền uy của gia trưởng mà đè nén địa vị của đàn bà. Theo đạo lí tam cương ngũ thường thì đàn bà nào cũng phải tùy thuộc đàn ông” [2;120].

Quy định là thế, sách vở là thế. Tuy vậy, thực tế cho thấy tùy từng giai đoạn lịch sử mà nhiều khi người nữ, người vợ lại có uy thế hơn chồng mình; họ được hưởng nhiều quyền lợi hơn so với những gì chúng ta biết qua các sách vở mang tính quy phạm của Nho giáo. Tiếp cận kho tàng truyện cười người Việt – chưa đầy đủ, chúng tôi thấy có hơn 50 truyện cười đề cập đến chuyện anh chàng sợ vợ. Điều này cũng được Nguyễn Việt Hùng trong giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* nhận thấy. Nhà nghiên cứu cho rằng, truyện cười người Việt có “hệ thống những truyện về các anh chàng sợ vợ khá phổ biến” [3; 159]. Gần đây, Nguyễn Thị Bích Hà cũng cho rằng “sẽ là thiếu sót lớn nếu không nói đến ý nghĩa giáo dục của nhóm truyện phong phú, đặc sắc trong truyện cười là truyện có chủ đề sợ vợ” [4; 112]. Rõ ràng, con số trên là một sự lạ giữa xã hội của một đất nước chịu nhiều ảnh hưởng Nho giáo như ở đất nước Việt Nam. Bài viết sẽ khảo sát – điem mặt về các đấng trượng phu này, cũng như tìm cách lí giải về hiện tượng lạ trong văn học Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chân dung “người trong cuộc”

Khảo sát các truyện kể cho thấy có rất nhiều ông chồng sợ vợ. Điều thú vị và bất ngờ là họ thuộc nhiều thành phần khác nhau từ dân thường đến quan lại.

Đó là anh chồng trong truyện *Người ta sợ thì để người ta sợ chứ*: “Vợ nó quát tháo thế nào, anh ta cũng ngậm miệng, không dám cãi nửa câu”. Lăn nọ, đi đánh bạc về, bị vợ đánh cho một trận, khiến anh ta phải van xin “Người ta sợ thì để người ta sợ chứ”. Đúng là người vợ này ngộ quá đi mất, sợ là cảm giác tự nhiên của con người, đến sợ mà không cho sợ nữa thì không biết đức lang quân này sao sống được với bà vợ này? Truyện *Hiện hồn làm dữ, Đuổi con lợn, Hâm nước mắt...* có nội dung tương tự.

Không chỉ là chuyện cá biệt mà xem chừng sợ vợ đang là chuyện của mọi nhà, mọi đức lang quân. Truyện *Chẳng phải tay ông* kể về hai anh láng giềng nọ chơi thân với nhau cùng mức tiêng... sợ vợ. Anh nọ quên lấy váy vợ, bị dính mưa nên bị vợ chửi cho một trận, lại còn đánh thâm tím mặt mày. Ông bạn láng giềng thấy thế, lăm bằm trong miệng “Mẹ kiếp! Chẳng phải tay ông!” thì vợ nghe được và truy vấn “Hứ! Phải tay ông thì làm cái gì? Nào! Làm cái gì? Nói ngay đi! Anh chồng hoảng hốt: “Phải tay tôi thì... tôi cất trước khi trời mưa, chứ có gì mà ồn lên thế!”. Khi những anh chồng sợ vợ - những “người cùng khổ” này “liên minh” lại mới thấy sự đông đúc, đa dạng của sự “hợp quần” này. Họ là năm bảy, mười người với đủ thành phần khác nhau nhưng có *mẫu số chung* là sợ vợ. Trường hợp này xuất hiện trong các truyện như *Sợ vỡ mật, Sợ chết cứng, Hai bên cùng nhâm, Kết bạn thiếu một người,...*

Không chỉ là chuyện của dân thường, ngay cả những quan phụ mẫu, đứng trước người dân thì hét ra lửa nhưng khi về với vợ thì cũng khép nép, khiếp đảm, như trong các truyện *Giàn hoa lí sắp đổ, Diệu kế, Khìn khịt thềm thịch với xôi,...* Truyện *Diệu kế* kể về ông quan võ đang cầm cự với giặc ở biên thùy, nhưng khi nghe tin mật báo là phu nhân đang ở sau lưng xốc tới để hỏi tội quan về việc quan đem vàng hầu đi theo, quan bèn triệu ban tham mưu lại để nhờ vấn kế. Rồi từ nhận định: “Trước mặt, địch quân như gió bão, sau lưng phu nhân như nước lũ. Song lọt vào tay giặc không nguy bằng lọt vào tay phu nhân”. Ông đi đến quyết định “hàng giặc, để thoát khỏi tay phu nhân là hay hơn cả”. Dân gian đã khéo léo so sánh, chính xác là cường điệu hóa uy lực, uy thế của người vợ. Hay truyện *Vứt vào đầu, còn phải hỏi kể về* “Một ông cử phẩm mê cơ bạc nhưng lại sợ vợ. Lăn nọ đánh bạc thua, bị vợ đánh. Ông cử phẩm cuống quá, mồm kêu rối rít:

“Ồ! Mẹ mày! Làm gì thế này? Làm gì thế này?” Mấy ông hàng xóm cười bảo “Rõ khéo! Trên 50 tuổi đầu, làm ông cử phẩm, vợ vụt vào đầu còn phải hỏi” [5; 77- 78].

Về *tính cách*, tuy khác nhau về *thành phần, chức vụ* nhưng các nhân vật trên đều gặp nhau ở điểm chung là... *sợ vợ - rất sợ*. Tuy sợ vợ nhưng những ông chồng này lại có nhiều nét tính cách mâu thuẫn với bản tính của mình như tính *huênh hoang, dương dương tự đắc, kèn kiêu với kẻ khác*,... Chẳng hạn truyện *Hâm lên chửi* kể về anh chàng ngốc, bị vợ bắt nạt mãi. Một hôm, có người bạn đến chơi, anh ta năn nỉ vợ: “để cho tôi mát mặt một tí. Nghĩa là bao giờ có khách thì mình để cho tôi được phép ra oai, hay hò hét gì, mặc ý tôi. Không có người ta lại bảo đàn bà nhà này lẩn át chồng thì xấu tôi mà cũng xấu cả mình”. Vợ đồng ý nhưng anh này làm quá, món gì vợ đưa ra cũng chê bai, cũng yêu cầu sửa sai. Nhìn khắp mâm cơm, thấy không còn món gì chê được nữa, anh ta hậm hực mãi. Lúc nhìn đến bát nước mắm, anh ta vội nói to: “Này, mẹ nó! Sao nước mắm không hâm lên, hử?” [6, tr 110]. Khách nghe hỏi, lẩn ra cười. Còn chị vợ thì uất ức quá, xấu hổ thay cho chồng, liền lôi cổ xuống bếp, mắng cho một trận nên thân. Hay như vị quan huyện trong truyện *Giàn hoa lí sắp đổ* kể về thầy đê bị vợ cào cấu cho sứt cả mặt. Khi quan huyện hỏi thì thầy nói do “cái giàn hoa lí nó đổ xuống”. Quan không tin và cho rằng: do vợ thầy lại cào. Và ra oai “Thầy cứ nói thật đi, rồi tôi sai mấy tên lệ ra lôi cô nó vào đây. Cái giống đàn bà phải trị thẳng tay, không thì được đàng chân lên đàng đầu cho mà xem”. Khi quan bà nghe thấy thì quan huyện líu cả lưỡi lại, bảo thầy đê: “Thôi ... thầy... tạm lui... Giàn hoa lí nhà tôi cũng sắp đổ rồi” [6; 38 – 39]. Dân gian đã khai thác rất tốt sự mâu thuẫn giữa bản chất và cái vẻ bên ngoài của các ông chồng này để tạo nên tiếng cười sáng khoái, giòn giã.

Trái ngược và liên quan với nhân vật *sợ vợ* là *hình ảnh các bà vợ* - kẻ gây ra nỗi khiếp đảm cho các ông chồng. Nhìn chung, các bà vợ này đều được dân gian mô tả là những người *đanh đá, hay ghen*. Chẳng hạn truyện *Đuổi con lợn* kể về “Anh nọ lấy phải một cô vợ đáo đẽ” [7; 366]. Nét tính cách hay gặp nhất của bà vợ này là *ghen tuông*. Chẳng hạn đó là truyện *Bà vợ thầy thuốc* kể về “người đàn bà ghen nổi tiếng” [8; 205] hay như truyện *Ăn mát rồi* cũng kể về Anh kia có “người vợ hay ghen, lại còn rước cô vợ lẽ nữa về” [5; 205-206]. Tính cách ghen tuông này thể hiện rõ nhất ở những truyện kể về những anh chồng có vợ lẽ, có nàng hầu. Ghen tuông là chuyện bao đời nay, nhất là đối với cánh chị em, bởi “*Ốt nào mà ớt chẳng cay/ Gái nào mà gái chẳng hay ghen chồng*”. Tuy vậy, cái ghen này cộng với sự đanh đá và “uy lực” đã khiến cho nhiều ông chồng phải trải qua bao phen khiếp đảm. Bên cạnh những truyện đã dẫn trên, nhiều truyện không thấy dân gian mô tả về tính cách của người vợ. Cho dù vậy nhưng chỉ cần nghe tiếng vợ, thấy hình dáng vợ là anh chồng đã khiếp vía. Ở đây, *như mặc định*, dân gian cho rằng đã là vợ thì phải lắm lời, nhiều chuyện và uy lực; đã là vợ thì chồng phải... *sợ!* Không chỉ la mắng chồng con, nhiều khi các bà vợ còn thượng cẳng tay hạ cẳng chân với chồng của mình. Truyện *Giàn hoa lí sắp đổ* kể về thầy đê bị “vợ cào cấu cho sứt cả mặt”. Truyện *Chẳng phải tay ông* kể về anh chồng nọ bị vợ đánh “thâm tím mặt mày” chỉ vì quên lấy váy vợ, bị dính mưa. Truyện *Hai bên cùng nhảm* kể về bốn anh cùng sợ vợ, rù nhau đi hát nhà trò đánh chén, nghe hát. Ăn cửa vào thì ở trong tắt đèn nên bà vợ nọ nắm tóc anh kia lôi ra (...) chị ta mới ấn đầu chồng xuống đất rồi đánh, đánh cho anh ấy một thôi một hồi, tói cả mặt mũi” đến khi nghe tiếng chị truy vấn thì cả hai mới biết bị... *nhảm* [6; 75-76]. Không chỉ bị đánh bằng tay, nhiều bà vợ còn dùng cả chổi, cả đòn gánh, roi để đánh chồng như truyện *Đuổi con lợn Nói tới khi, Bắt vợ phải quỳ, Chọn một trong hai*,... Các truyện cười này cho thấy nạn bạo hành gia đình không chỉ có cảnh vũ phu mà còn có cả cảnh vũ... *phụ!*

Như vậy, nhân vật anh chồng *sợ vợ* gồm nhiều thành phần khác nhau từ dân thường đến các vị có chức sắc như ông từ, quan huyện, quan võ,... Ngoài mẫu số chung là *sợ vợ*, các nhân vật này còn gặp nhau ở nét tính cách là *ra vẻ ta đây, cao ngạo*. Chính sự mâu thuẫn giữa những nét tính cách này đã góp phần tạo nên tiếng cười cho các truyện kể. Còn các bà vợ được dân gian mô tả là những người đanh đá hay bắt nạt chồng, hay ghen tuông với những mối quan hệ của chồng. Không chỉ dùng lại ở việc la mắng, nhiều bà vợ còn sử dụng đòn roi với cả chồng mình.

2.2. Phản ứng của nạn nhân

Chuyện anh chồng sợ vợ đã khá vui, tếu táo nhưng hài hay nhất, thú vị nhất, điều nhiều người chờ đợi nhất có lẽ là vấn đề xem các ông chồng – nạn nhân chống trả, phản ứng lại nạn vũ... phụ này như thế nào. Xin điểm qua một số cách phản ứng tiêu biểu.

Cách chống trả thứ nhất: Xưa nay, khi yếu thế thì kẻ sách phù hợp nhất rõ ràng vẫn là kẻ thứ 36 - *tẩu vi thượng kế*. Anh chồng trong các truyện kể cũng thế, trước sự uy hiếp của vợ, anh thường chọn phương cách chống trả bằng hình thức bỏ chạy cho... lành. Nghĩ thật ngộ, bởi thực tế cho thấy chồng là kẻ mạnh, nắm quyền hành, và tất nhiên sẽ là người nắm lợi thế trong cuộc chiến với vợ. Vậy mà truyện cười dân gian lại kể anh chồng lại phải bỏ chạy vì những đòn roi của vợ (*Đuổi con lợn, Khịt khịt, thềm thịch với xôi, Nói tới khi, Sợ chết cứng...*). Như vậy, cách chống trả bằng *tẩu vi thượng kế* cũng là cách cho thấy được tương quan lực lượng giữa vợ và chồng. Ở đây anh chồng đã nhận chân được vấn đề và đưa ra quyết định khó nhất, nhưng cũng phù hợp nhất, đúng nhất lúc này: bỏ chạy!

Cách chống trả thứ hai đó là *đánh trống lảng*, tức lái vấn đề đi theo hướng khác. Khi vợ truy vấn nguyên nhân của vấn đề thì chồng lái câu chuyện sang hướng khác. Chẳng hạn, khi anh chồng đang thao thao rằng mình là người không sợ vợ nhưng khi phát hiện rằng vợ đang nghe, và bị vợ chất vấn thì anh ta ứng biến nhanh chóng: “Thôi ... thầy... tạm lui... Giàn hoa lí nhà tôi cũng sắp đổ rồi” (*Giàn hoa lí sắp đổ* - [6;38 – 39]). Truyện *Giờ miếng cọp vò* kể khi thấy hàng xóm bị vợ đánh thì người chồng nọ chê trách anh hàng xóm là “xoàng quá. Sao không giờ miếng cọp vò ra mà cự lại?”. Vợ nghe được, ra thách thức chồng “giờ miếng cọp vò?” thì anh nọ “run lên, nhìn vợ, lắp bắp nói: “Áy là tôi bảo anh bạn thôi, chứ như mình cầm tướng tinh ông Võ Tòng rồi, tôi còn giờ miếng cọp vò ra làm sao được?” [5; 204 – 205]. Người chồng trong *Chẳng phải tay ông* khi biết hàng xóm bị vợ đánh vì “quên lấy váy vợ, bị dính mưa” thì to giọng “Mẹ kiếp! Chẳng phải tay ông!”. Vợ nghe được, truy vấn “Hừ! Phải tay ông thì làm cái gì? Nào! Làm cái gì? Nói ngay đi! Anh chồng hoảng hốt: “Phải tay tôi thì... tôi cất trước khi trời mưa, chứ có gì mà ồn lên thế!”. Cách chống trả này cũng cho thấy tài ứng biến của anh chồng và cũng là của dân gian. Phương cách này tạo sự bất ngờ, hứng thú cho người nghe.

Cách chống trả thứ ba là vận dụng *phép thắng lợi tinh thần*. Là kẻ thua cuộc, nhận thất bại nhưng nhân vật anh chồng vẫn tự huyễn hoặc mình bằng nhiều lập luận khác nhau. Anh chồng trong *Vợ tao, tao sợ* khi bị bạn phát hiện do sợ vợ trốn trong lu thì chống chế “vợ tao, tao sợ! Tụi bây làm gì tao!” [9; 127]. Đúng là tao sợ vợ nhưng không hề, chưa bao giờ sợ vợ... hàng xóm. Anh này thật giỏi! Truyện *Bắt vợ phải quỳ* cũng vận dụng tinh thần này. Truyện kể về anh chồng nọ bị vợ cầm chổi lông gà đe nạt nên “vội vàng, tôi chui xuống gầm phản, vợ tôi hầm hè, gọi mãi tôi chẳng cần ra. Cứ thế tôi bắt vợ phải quỳ suốt hai tiếng đồng hồ để năn nỉ mà tôi chẳng thềm trả lời”. Hay chưa, bà vợ đang là người thắng cuộc bị anh chồng biến thành kẻ thua, vì “quỳ suốt hai tiếng đồng hồ để năn nỉ mà tôi chẳng thềm trả lời” [8; 239]. Cách chống trả này có nét tương đồng với nhân vật AQ – một nhân vật nổi tiếng, một sáng tạo của nhà văn Lỗ Tấn.

Cách chống trả thứ tư là sự liên minh – *kết đoàn*. Sợ vợ không chỉ là chuyện cá biệt mà là vấn đề *phổ cập* trong truyện cười. Ấy vậy nên nhiều truyện cười kể rằng các ông chồng này đã có những động thái đề kêu gọi sự đoàn kết, liên minh để chống lại các bà vợ. Truyện *Sợ chết cứng* kể về mười anh sợ vợ họp bàn cách đối phó bằng cách chích máu ăn thề để cùng đoàn kết chống lại các bà vợ. Các bà vợ kéo đến làm các ông bỏ chạy – chỉ còn một anh “xếp bằng tròn trên chiếu”. Tưởng anh này can đảm, thì ra anh này “sợ chết cứng từ bao giờ” [10; 24]. Truyện *Kết bạn thiếu một người* cũng kể về chín anh sợ vợ, kết lương hữu với nhau, đang tìm thêm một cho đủ chục. Thấy chú kia “đã già, mà xách quần áo đôn bà đi giặt” nên mời vào hội [6; 148]. Câu chuyện của liên minh này còn gặp trong các truyện như *Hai bên cùng nhâm, Bắt vợ phải quỳ*,... Như vậy, ý tưởng, mục đích của liên minh này là hay, là hợp lí tuy vậy cũng như khi còn đơn lẻ, các nhân vật đã nhanh chóng bộc lộ *bản lai diện mục* của mình, chỉ cần nghe tiếng vợ, thấy hình

ảnh vợ thì đã bay hồn bạt vía từ bao giờ. Tất nhiên, với tình hình này thì liên minh trên cũng chỉ nhận được thất bại.

Cách chống trả cuối cùng là... im lặng. Có khi anh chồng im lặng bằng cách ém nhẹm, nói tránh chuyện bị vợ đánh là do “giàn thiên lí đổ xuống”. Xuất hiện nhiều hơn cả là *ngậm thóc*. Truyện *Người ta sợ thì để người ta sợ* kể về “Anh nọ xưa nay rất sợ vợ. Vợ nó quát tháo thế nào, anh ta cũng ngậm miệng, không dám cãi một lời” [5; 207] hay như truyện *Câu đối của người vợ nhỏ* cũng kể về anh chồng nọ định lập mưu để có cơ ngù chung với bà nhỏ bằng cách ra về đôi. Bà lớn biết ý “túm lấy áo la lớn (...) tui chưa ưng ông đừng hòng ra khỏi buồng (...) Anh chàng không biết nói sao, đành im lặng” [8; 373]. Im lặng thì nhiều lúc chịu thiệt nhưng ở đây, trong tình thế này thì im lặng lại là vàng, tránh cho việc chịu thêm “tổn thất”, và cũng là cách để cho “địch” biết rằng ta đã... đầu hàng!

Như vậy, trước những đe dọa từ người vợ, nhân vật anh chồng đã vận dụng một số cách để đối phó như tháo chạy, đánh trống lảng, dùng phép thắng lợi tinh thần, liên minh – đoàn kết và cả việc im lặng.

2.3. Nguyên nhân hiện tượng sợ vợ: khảo sát từ truyện kể

Qua hai phần trên chúng ta thấy một thực tế được dân gian phản ánh trong truyện cười dân gian là có những ông chồng sợ vợ. Vậy câu hỏi đặt ra là đâu là nguyên nhân của hiện tượng sợ vợ khác thường này? Họ có lỗi gì với vợ con sao?

Khảo sát cho thấy, đúng là cũng có những ông chồng có lỗi với người vợ của mình. Các lỗi phạm này cũng là chuyện... xưa như trái đất, là *tứ đổ tường* của người đàn ông/ người chồng, đó là cờ bạc, rượu chè, trai gái, hút chích. Không thấy truyện nào kể về thói hút chích, còn ba thói hư kia thì có nhiều truyện phản ánh. Chẳng hạn truyện *Chọn một trong hai*, truyện *Vợ tao, tao sợ...* kể về anh chồng hay rượu chè. Truyện *Vụt vào đầu, còn phải hỏi*, *Người ta sợ thì để người ta sợ chứ...* lại kể về thói đam mê cờ bạc của ông chồng. Truyện *Diệu kế*, *Anh hai vợ*, *Bò đi chơi...* là những minh chứng cho cái tội thích vợ bé, nàng hầu của bậc trượng phu. Như vậy, các lỗi này là rất chính đáng, rất cần phải chỉnh sửa, uốn nắn và thay đổi. Hay nói cách khác, cái sợ ở đây xuất phát từ những lỗi phạm của bản thân.

Bên cạnh đó có nhiều truyện kể về nạn vũ... phụ mà chẳng có lí do gì chính đáng cả, thậm chí chả cần lí do gì cả. Có khi ông chồng chỉ là làm bẽ cái vung cũng bị vợ đuổi đánh (truyện *Đuổi con lợn*), có khi chỉ vì quên lấy váy cho vợ, bị dính mưa cũng bị chửi, bị đánh thâm tím mặt mày (*Chẳng phải tay ông*), hay thậm chí là chỉ tại giấc mơ. Truyện *Chiêm bao rủi* kể về “anh sợ vợ” ngủ trưa mơ lấy được vợ lẽ, cười khúc khích nên bị “vợ nổi cơn ghen, túm lấy áo chồng làm âm ỉ”, và đe “chiêm bao như thế thì không được”. Chồng hứa từ nay không dám mơ vậy nữa. Vợ gặng thêm, nếu nay mai chiêm bao mà không cười thì sao? Chồng hứa “từ nay không dám ngủ ngày nữa”. Ngoài ra có rất nhiều truyện dân gian kể về chuyện sợ vợ mà không cần nêu lí do. Dân gian *như mặc định* đã chồng phải... sợ, không cần truy tìm nguyên nhân, lí do!

Lỗi hay gặp nhất khiến các ông chồng hay bị vợ đe nạt là do... *vạ mồm*. Đó là thói huênh hoang của anh chồng để đảm bảo chữ sĩ như trong truyện *Hâm lên chứ*, *Vợ tao tao sợ*, *Chẳng phải tay ông*, *Giàn thiên lí đổ*, *Giở miếng cạp vỏ...* Ở đây, nhân vật anh chồng đều là kẻ sợ vợ nhưng khi gặp/ thấy hoàn cảnh của hàng xóm, của cấp dưới thì hay ra vẻ ta đây, to tiếng, tuyên bố này nọ. Liên sau đó, khi biết bà vợ nghe được chuyện thì tay này quýnh quáng và nhanh chóng lái câu chuyện sang một hướng khác. Thì ra, chúng ta “cùng hội cùng thuyền” mà sao lại chống chế, sao lại nguy biện chi? Chính sự mâu thuẫn giữa bản chất và vẻ bên ngoài này tạo nên tiếng cười giòn giã.

Như vậy, có nhiều nguyên nhân của hiện tượng sợ vợ như do chồng gây nên những lỗi lầm, do chồng huênh hoang, ra oai hay thậm chí chẳng cần lí do gì chính đáng cả. Điều này cho thấy, theo dân gian sợ vợ là chuyện của số đông, chuyện thuộc về bản chất của những nhân vật sợ vợ trong truyện cười.

2.4. Nguyên nhân hiện tượng sớ vợ: truy tìm từ cơ sở lịch sử - xã hội, văn hóa

Văn học và hiện thực ít nhiều có mối liên hệ với nhau. Chúng ta cũng không máy móc xem những sáng tạo của dân gian là những chuyện thật, mà chỉ xem đó là những hư cấu của dân gian mà thôi. Tuy vậy, khi tìm hiểu về những cơ sở lịch sử - xã hội, văn hóa ở thời đại các câu chuyện này hình thành và phát triển cũng sẽ giúp chúng ta phần nào lí giải cho hiện tượng trên.

Trong các giáo trình văn học dân gian chúng tôi thấy có ba nhà nghiên cứu lí giải hiện tượng này là Hoàng Tiến Tựu và Nguyễn Việt Hùng. Hoàng Tiến Tựu cho rằng: trong xã hội phong kiến, nữ giới bị coi thường, do đó việc cười vào phụ nữ cũng bị coi là không cần, không đáng hoặc không nên. 2. Trên thực tế, phụ nữ thường ít có những thói xấu đáng cười hơn nam giới, hơn nữa phê phán những người đàn ông cũng phù hợp với xu hướng chống nam quyền của nhân dân ta trong xã hội phong kiến [11; 92]. Như vậy, ý kiến này xem chừng đứng từ *góc nhìn xã hội học văn học* nhiều hơn, và cũng chưa sát sườn với nhóm truyện cười này. Còn theo Nguyễn Việt Hùng thì đây là câu chuyện của ý thức nữ quyền, “nhằm đề cao người phụ nữ, cho thấy những bộ mặt nhếch nhác của người đàn ông” [3; 159]. Nguyễn Thị Bích Hà thì cho rằng chủ đề này trong truyện cười dân gian là đề “khẳng định vai trò có thực của người phụ nữ. Trong truyền thống, phụ nữ Việt Nam có vai trò rất lớn cả ở gia đình và xã hội, vì vậy dù xã hội phong kiến có ra sức phủ nhận người phụ nữ, cột họ vào địa vị phụ thuộc “tam tòng tứ đức” thì cả ở thực tế và trong tình cảm, họ vẫn có vị trí không nhỏ trong lòng người đàn ông, họ phải được kính trọng” [4; 112 – 113]. Chúng tôi, nhận thấy rằng nhận định trên là có cơ sở, vì xét về tần số xuất hiện trong truyện cười – chủ yếu người nam trong kiểu nhân vật phản diện, các truyện về đề tài này thì đặc biệt hơn – thể hiện uy lực của người nữ cũng cho thấy ý thức nữ quyền đã *manh nha* hình thành từ trong mảng văn học này. Song bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng, câu chuyện sớ vợ còn có nhiều cơ sở lịch sử - xã hội, các tập tục văn hóa khác.

Như đã biết, truyện cười phát triển mạnh nhất từ thế kỉ XVI – XIX. Đây là giai đoạn mà đất nước ta phải đối diện với nhiều thách thức, nhiều vấp nạn lịch sử. Đó là thời gian mà chính quyền nhà Lê đã cho thấy những mâu thuẫn, những thói nát của nó. Điều này cũng cho thấy hệ tư tưởng phong kiến, Nho giáo đã bắt đầu đi vào giai đoạn suy thoái, lỗi thời. Đặc biệt đây là giai đoạn đau thương của dân tộc bởi sự xâm xé, chia cắt của những cuộc nội chiến do các tập đoàn phong kiến mang lại. Với tình hình lịch sử - xã hội như vậy thì rõ ràng đời sống của người dân sẽ vô cùng đói khổ. Tất nhiên, khổ hơn cả là người dân thường. Lúc này, lần nữa gánh nặng quốc gia, trọng trách gia đình lại đổ lên đôi vai của người phụ nữ. Trước đây, họ cùng chồng thì nay họ một mình gánh vác giang sơn nhà chồng từ chuyện nội trợ đến cả chuyện đồng áng. Bởi sao vậy? Bởi đây là thời chiến, cái thời mà bao chàng trai khỏe mạnh, đẹp đẽ, thân hình tráng kiện, ăn khỏe đều bị động binh, phải ra chiến trường. Theo Bonifacy trong bài viết về du khảo của William Dampier cho rằng “phần lớn lính tráng là những thanh niên khỏe mạnh đẹp đẽ, thân hình tráng kiện. Họ phải là những người ăn khỏe, và sẽ không được tuyển nếu ăn không hơn những người khác. Những người lính ăn khỏe nhất được lập thành đội quân cận vệ của chúa” [12; 151]. Con số này không nhỏ, Bonifacy trong viết về du khảo Marini cho rằng: theo sổ sách năm 1641, quân đội Đàng Ngoài là 335 ngàn bộ binh, 12 ngàn kỵ binh, với hơn 2.000 thớt voi chiến hoặc voi vận tải và 2.000 thuyền chiến” [12; 133]. Hãy nhớ là dân số Đàng Ngoài lúc này khoảng 4,5 triệu dân – tất nhiên bao gồm cả người già, phụ nữ và trẻ em. Như vậy là gần như tất cả những người trai trẻ, khỏe đều bị bắt lính. Ở hậu phương, những người mẹ, người vợ phải ra đồng cày cấy, canh tác để đảm bảo cuộc sống cho gia đình, thậm chí là sự sinh tồn cho quốc gia. Ca dao ghi lại nỗi niềm, tâm trạng này rất cụ thể và đau xót: *Người ta có vợ có chồng/ Chồng cày vợ cấy ngoài đồng có đôi/ Nhà anh chỉ có mình tôi/ Cày rồi lại cuốc, cuốc thôi lại bừa/ Cho nên tôi phải về trưa/ Gãy đôi tai bừa, ai kẻ chêm cho/ Ai về nhấn nhủ các cô/ Đừng lấy chồng lính thiệt thua trăm đường.* Như vậy, một mặt họ vừa chịu đựng nhưng mặt khác qua thử thách, gian nan này họ cũng có cơ hội để chứng minh bản lĩnh, sự tồn tại độc lập (trương đối) của mình.

Đó là chuyện thời chiến, còn những lúc bình yên thì vai trò của người vợ cũng không hề nhỏ chút nào. Bonifacy khi tóm tắt du khảo của A. de Rhodes, có đoạn ông viết: tình trạng ở xứ này là sưu cao thuế nặng. Mọi người nam từ 19 đến 70 tuổi, trừ một vài trường hợp được miễn trừ “đều phải đóng thuế” [12; 116]. “Mọi người đàn ông dù nghèo túng đến đâu cũng vẫn phải chịu nộp thuế, còn đàn bà thì lo liệu làm việc để chồng khỏi bị phạt vạ” [12; 117]. Rõ là với vắn nạn thuế nặng, một lần nữa người vợ đã đồng hành, giúp chồng khỏi bị phạt vạ. Không chỉ là chuyện nội trợ, nội tướng, cũng ở loạt bài viết này, khi viết về du khảo của F. Marini, Bonifacy viết về vai trò của phụ nữ, họ “giỏi buôn bán và làm rất nhiều nghề mà ở những nơi khác chỉ dành riêng cho nam giới” [12;131]. Không chỉ đảm đương việc nhà để chồng ra chiến trường, trong thời bình, nhiều người vợ cũng phải chịu cảnh để chồng đi xa lo nghiệp đèn sách. Ca dao đề cập đến chuyện này rất nhiều. Chẳng hạn đó là tâm sự của người vợ: *Ai đi đơi với tôi cùng/ Tôi còn sắm sửa cho chồng đi thi/ Chồng tôi quyết đỗ khóa này/ Chữ tốt như rần, vắn hay như rồng/ Bõ khi xấn vấy quai công/ Com niêu nước lọ đưa chồng đi thi* hay đó là lời khuyên chân thành của người vợ: *Khuyên anh đi học em vâng/ Việc trong gia thất, việc đồng mặc em; hay đây là *Bút nghiên giấy má mua rồi/ Khuyên anh đi học, em thời cứ canh**. Như vậy, việc thành danh của các vị chức sắc, quan lại có sự đóng góp âm thầm nhưng rất to lớn của người vợ. *Gái có công, chồng chẳng phụ*. Người vợ như là đại ân nhân của các vị tai to mặt lớn này. Chính vì thế mà chắc chắn họ được chồng trân quý, họ được chồng... sợ! Charles Gosselin – một sĩ quan người Pháp từng sống nhiều năm ở Việt Nam, am hiểu lịch sử và văn hóa người Việt. Ông là tác giả cuốn *Đế quốc Annam*. Trong chương IV, khi viết về người phụ nữ, ông cho rằng họ là người “cần cù, chịu khó, đầy nghị lực khi họ đảm đương việc nuôi nấng gia đình (...) Ngay sau khi đã có gia đình, những đức tính trong việc tề gia nội trợ của họ đã làm mọi người đều phải kính nể” [12; 324]. Cái nhìn ngoại quan này thêm một lần nữa khẳng định cho những nhận định, đánh giá của chúng tôi. Như vậy, xem ra, người vợ Việt Nam trong thời trung đại không chỉ là những người chỉ biết khốc lóc, nhớ chồng hay bị động phụ thuộc chồng con mà họ đã có sự tự chủ, độc lập, đã chứng minh được vai trò, tiếng nói của mình trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Bên cạnh đó, ngoài việc tiếp xúc với Trung Hoa và các nước trong khu vực, giai đoạn này người Việt còn được *tiếp xúc với phương Tây*. Chính việc xuất hiện của các nhà truyền giáo, các nhà buôn, nhà thám hiểm cũng như đội quân viễn chinh của Pháp đã kéo theo nhiều biến chuyển trong xã hội Việt Nam. Nói như Hoài Thanh – Hoài Chân là “ Một cái đình cũng mang theo nó một chút quan niệm phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông” [13;16]. Từ việc khảo sát nguồn tư liệu của các giáo sĩ, các nhà du hành phương Tây, một “tâm nhìn tha nhân” (vision de l'autre), Nguyễn Thừa Hỷ cho rằng: “Trong những điều kiện cụ thể, nhà nước Lê – Trịnh có lúc đã thi hành một chính sách “mở hé cửa”, khoan nhượng đối với các nước phương Tây hơn chính quyền bảo thủ nhà Nguyễn trong thế kỉ XIX sau này” [12; 463]. Như vậy, rõ ràng là những tiếp xúc với người phương Tây ít nhiều đã làm lung lay, thay đổi nhiều giá trị truyền thống của người Việt – trong đó có *tình gia trưởng*.

Ngoài ra, theo chúng tôi vấn đề sợ vợ còn có *dấu ấn của tục ở rể* ở Việt Nam. Trước đây, “nữ thập tam, nam thập lục” – tức theo tục lệ thời xưa, con trai 16 tuổi, con gái 13 tuổi là có thể dựng vợ gả chồng được. Phan Kế Bính, trong *Việt Nam phong tục* cũng cho rằng: “Con trai con gái độ mười lăm, mười sáu tuổi trở lên, đã là tuần sắp sửa lấy vợ lấy chồng. Hai ba mươi tuổi cưới gọi là muộn. Cũng có nhà cưới cho con từ năm mười hai, mười ba tuổi, có nhà ước hôn với nhau từ trong thai” [1; 58]. Ngày xưa, hôn nhân không phải là kết quả của sự tìm hiểu, của tình yêu mà là hướng đến mục đích “duy trì gia thống”, “chỉ cốt được nơi xứng đáng, được nơi “môn đăng hộ đối”. Do vậy mà “khi con cái còn trẻ dại mà cha mẹ cũng đính ước, thành ra cái tệ tảo hôn” [2; 127]. Ấy vậy nên mới có cảnh oái oăm vợ công chồng đi chơi: *Bồng bồng công chồng đi chơi/ Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng* (ca dao). Ấy vậy nên mới có cảnh cô dâu chú rể mà trong đêm động phòng vẫn không biết làm gì. Trong chế độ tảo hôn, thường chồng bé vợ lớn, có người vợ lớn hơn chồng đến năm sáu tuổi. Vợ lớn hơn mà chồng thì còn trẻ ranh nên đương nhiên chuyện chăn gối cũng rất... ú ớ. Đã không rành về chuyện phòng the, thì chắc chắn rồi, những tân lang

non tơ này còn rất ngờ nghệch chuyện cư xử ở đời. Truyện cười dân gian có nhiều truyện kể về sự vụng về trong ứng xử của chàng rể, thể hiện sự dốt nát, ngớ ngẩn, trở thành nguyên nhân để người đời chê cười. Chuỗi truyện cười nói về chàng ngốc, làm theo lời vợ dặn là mình chứng tường minh cho thực tế này. Chồng thua kém vợ cả về tuổi tác, nhận thức, cư xử,... thì chắc chắn không được xem thường vợ, nếu không muốn nói rõ hơn là phải kính vợ.

Sau cùng, theo chúng tôi truyện kể về anh chồng sợ vợ còn có thể lí giải từ dấu ấn của *văn hóa mẫu hệ*. Các nhà nghiên cứu xem Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á là “xứ sở mẫu hệ”, là nền văn hóa trọng nữ, trọng âm [dẫn theo 14; 29]. Đó là chế độ xã hội mà ở đó người nữ có tiếng nói quyết định trong cuộc sống – nhất là trong cuộc sống gia đình, trong tương quan vợ chồng. Theo Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang thì trong khi phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu, những tầng lớp được cho là quan, bị ràng buộc bởi những quy tắc về thân phận và địa vị của họ, thì phụ nữ ở tầng lớp thấp kém lại không phải tuân theo những quy tắc như vậy. Tuy nhiên, phụ nữ thuộc tầng lớp thấp hơn được hưởng tự do tương đối, là do truyền thống bản địa lâu dài, trong khi phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu phải đối mặt với những hạn chế lớn hơn do gia đình họ chịu ảnh hưởng lễ giáo phong kiến Trung Hoa [dẫn theo 15;18]. Chúng tôi cho rằng nhận định này là có cơ sở, khi phần lớn người dân đều không có điều kiện học tập – nhất là người nữ, do vậy việc nô dịch, việc áp đặt, việc phổ cập văn hóa Nho giáo cho mọi người dân, mọi thành phần là điều không tưởng. Hơn nữa, là nội tướng, ở đây người nữ, người mẹ lần nữa thể hiện được thiên chức giữ lửa, giữ văn hóa mẹ cho các thế hệ sau.

Như vậy, từ những phân tích trên có thể thấy rằng, bên cạnh mục đích đề cao nữ quyền, hiện tượng sợ vợ trong truyện cười dân gian người Việt có thể xuất phát từ những lí do từ lịch sử - xã hội, văn hóa như người vợ, người phụ nữ ở Việt Nam thật sự có nhiều đóng góp cho xã hội, cho gia đình, cho chồng trong cuộc sống cả thời bình lẫn thời chiến. Chính việc họ có công, lập công cũng đã chiếm được cảm tình, sự mến trọng từ chồng cũng như gia đình chồng. Ở đây cũng không loại trừ khả năng các tư tưởng Nho giáo thực sự chưa thâm nhập vào đời sống của những dân thường – vốn không biết chữ, chủ yếu sống trong lũy tre làng. Các truyện cười này cũng cho thấy được sự thoái trào của chính quyền phong kiến cũng như những giá trị mà Nho giáo vốn được xem là hệ tư tưởng của các triều đại này. Cuối cùng, các truyện kể này cũng ít nhiều cho thấy dấu ấn mẫu hệ - một mẫu gốc của Việt Nam cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á.

3. Kết luận

Từ những khảo sát trên có thể thấy rằng truyện về anh chồng sợ vợ xuất hiện khá nhiều trong truyện cười dân gian người Việt. Tần số xuất hiện này là có “vấn đề” được xem là lạ, bởi thiết chế gia đình người Việt vốn chịu ảnh hưởng của lễ giáo – nơi có quan niệm nam tôn nữ ti, chồng chúa vợ tôi. Khảo sát cho thấy rằng ông chồng với nhiều xuất thân khác nhau từ dân thường đến quan lại đều sợ vợ với nhiều trạng huống khác nhau, có khi là ‘bạo hành’ bằng lời nói, có khi là ‘bạo hành’ bằng hành động,... Qua khảo sát các truyện kể và đặt trong văn cảnh của xã hội Việt Nam trong giai đoạn hình thành nó, chúng tôi nhận thấy rằng, không chỉ thể hiện mong ước nữ quyền, các truyện kể/ hiện tượng này có cơ sở lịch sử - xã hội trong giai đoạn cường thịnh của thể loại truyện cười. Hiện tượng này cũng cho thấy được việc bảo lưu văn hóa truyền thống của người Việt, mà cụ thể ở đây là văn hóa mẫu hệ. Điều này một lần nữa cho thấy rằng văn học dân gian – dòng văn học phi chính thống nhiều khi có những lối đi riêng, lối đi khác biệt của nó. Chính điều này tạo nên sự độc đáo và cũng góp phần giữ gìn, bảo lưu các nét văn hóa truyền thống của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] PK Bích (2022). *Việt Nam phong tục*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2] ĐD Anh (1998). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, Đồng Tháp.

- [3] NV Hùng (2014). “Truyện cười”. Trang 149 – 166 trong sách *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, Chủ biên Vũ Anh Tuấn. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] NTB Hà (2018). *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] T Chính và P Châu (1993). *Tiếng cười dân gian Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] NC Bền (2014). *Truyện cười dân gian người Việt* (quyển 3). Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] NC Bền (2014). *Truyện cười dân gian người Việt* (quyển 2). Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] NC Bền (2014). *Truyện cười dân gian người Việt* (quyển 1). Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] NC Bền (2009). *Truyện cười* (quyển 3). Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [10] VN Khánh (1995). *Kho tàng truyện cười Việt Nam* (tập 2). Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [11] HT Trụ (1990). *Văn học dân gian Việt Nam*, tập hai. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] NT Hỷ tuyển dịch, giới thiệu và bổ chú (2020). *Việt Nam thế kỉ XVII – XIX* (qua các nguồn tư liệu phương Tây). Nxb Khoa học Xã hội và MaiHaBooks.
- [13] H Thanh – H Chân (1998). *Thi nhân Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [14] TN Thêm (1999). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [15] TT Nhung (Đặng Thị Thanh Dung dịch), (2023). *Các thành tố gia đình: Giới tính, chính quyền và xã hội ở Việt Nam thời kỳ cận đại, 1463-1778*. Nxb Phụ nữ, Tp. Hồ Chí Minh.